

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG SÀI GÒN (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020
(Tuần từ ngày 10 tháng 9 năm 2020 đến ngày 16 tháng 9 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Bến Cát	45,8	1.038,8	+ 0,1	- 19,9	- 18,9	- 20,4	+ 33,2	57,9
Bình Long	132,8	1.283,2	- 1,1	+ 12,1	+ 56,2	- 30,1	- 6,8	70,8
Cần Đăng	44,1	899,9	- 20,2	+ 14,3	- 14,5	- 32,0	- 2,6	55,5
Dầu Tiếng	86,3	1.547,2	+ 33,2	- 18,5	+ 36,0	+ 9,1	+ 37,5	69,4
Đồng Ban	17,4	873,2	- 2,7	- 21,2	+ 15,8	- 36,6	- 11,2	45,5
Gò Dầu	35,5	729,0	- 24,6	- 24,6	- 32,9	- 25,7	+ 8,5	59,7
Lộc Ninh	133,2	916,4	- 33,3	- 30,6	- 28,9	- 67,2	+ 3,6	69,1
Sở Sao	91,0	1.447,0	+ 16,3	- 6,8	+ 1,3	+ 4,6	+ 5,2	67,3
Tân Sơn Hòa	115,3	1.346,6	+ 14,3	+ 23,2	- 1,9	- 7,3	+ 32,0	68,3
Tây Ninh	36,3	903,3	- 25,2	- 20,7	- 22,2	- 37,5	- 19,9	57,4
Trung bình	73,8	1.098,5	- 4,3	- 9,3	- 1,0	- 24,3	+ 8,0	62,1

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực (khoảng 74 mm), thấp hơn TBNN 4,3%, thấp hơn năm 2019 là 9,3%, thấp hơn 1,0% so với năm 2018, thấp hơn 24,3% so với năm 2017 và cao hơn 8,0% so với năm 2016. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Lộc Ninh (133,2 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại trạm Đồng Ban (17,4 mm). Cục bộ, tại trạm Hóc Môn mưa to 95 mm ngày 04/9 và 50 mm ngày 07/9, trạm Củ Chi mưa to ngày 04/9, 07/9 lần lượt với vũ lượng 74 mm và 57 mm, trạm Tân Sơn Hòa mưa to ngày 04/9 với vũ lượng 69 mm, trạm Bình Chánh mưa rất to 101 mm ngày 09/9, trạm Thủ Đức mưa to 56 mm ngày 06/9.

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 62,1 mm, có xu hướng xấp xỉ trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Dầu Tiếng	1.580,00	816,20	51,66	+ 1,1	- 3,6	+ 4,0	- 10,3	Tăng	71,86
Hồ Càn Nôm	7,99	4,75	59,45	- 15,5	+ 24,0	- 35,1	- 33,1	Tăng	66,58
Hồ Ba Veng	0,8674	0,87	100,00	+ 22,6	+ 17,6	+ 20,5	+ 18,8	Tăng	100,00
Hồ Tha La	23,47	16,84	71,75	+ 3,5	+ 2,7	+ 11,5	- 7,5	Giảm	72,57
Hồ Bù Nâu	0,614	0,61	100,00	+ 1,0	0	+ 0,7	- 0,2	Tăng	100,00
Hồ Tà Thiết	1,15	1,006	87,45	+ 33,7	+ 279	- 12,5	- 12,9	Tăng	100,00
Hồ Rừng Cẩm	2,068	1,19	57,31	- 34,9	- 23,9	- 42,7	- 42,7	Tăng	76,63
Hồ Tà Te	0,756	0,44	58,85	- 35,7	- 20,8	- 41,5	- 41,5	Tăng	97,94
Hồ Suối Lấp	0,37	0,37	100,00	+ 12,5	0	+ 1,6	0	Tăng	100,00
Hồ Lộc Thạnh	2,957	2,96	100,00	+ 20,3	0	+ 5,6	+ 16,0	Tăng	100,00
Trung bình/Tổng	1.620,24^(*)	845,23	52,17	+ 0,9	+ 27,6	- 8,8	- 11,3		71,97

Ghi chú: "+", "-" Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 1.620 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 09/9/2020 ở mức trung bình so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 845,23 triệu m³ (đạt 52,17% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa xấp xỉ so với cùng kỳ TBNN, cao hơn cùng kỳ năm 2019, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018 và năm 2017.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 9 của vụ Mùa năm 2020 của 10 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) là **56,30** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Mùa năm 2020				
		Diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 9 cho vụ Mùa năm 2020 (10 ⁶ m ³)
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		19.381,0	1.331,0	26.395,0	447,0	56,30
1	Hồ Dầu Tiếng	19.000	1.300	22.660	440	52,93
2	Hồ Càn Nôm	89	31		7	0,16
3	Hồ Ba Veng			70		0,03
4	Hồ Tha La	200		3.300		2,83
5	Hồ Bù Nâu	42		60		0,07
6	Hồ Tà Thiết	50		20		0,15
7	Hồ Rừng Cẩm			90		0,04
8	Hồ Tà Te			30		0,01
9	Hồ Suối Lấp			85		0,04
10	Hồ Lộc Thạnh			80		0,03

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 9 năm 2020 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Dầu Tiếng	452,95
2	Hồ Càn Nôm	2,74
3	Hồ Ba Veng	2,36
4	Hồ Tha La	85,48
5	Hồ Bù Nâu	2,74
6	Hồ Tà Thiết	0,74
7	Hồ Rừng Cẩm	1,72
8	Hồ Tà Te	0,41
9	Hồ Suối Láp	1,66
10	Hồ Lộc Thạnh	2,06

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 9 cho vụ Mùa, kết quả dự báo tuần từ ngày 10/9/2020 đến ngày 16/9/2020 như sau:

- **10/10 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Dầu Tiếng, hồ Càn Nôm, hồ Ba Veng, hồ Tha La, hồ Bù Nâu, hồ Tà Thiết, hồ Rừng Cẩm, hồ Tà Te, hồ Suối Láp, hồ Lộc Thạnh.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Mùa năm 2020 từ ngày 10/9/2020 đến 16/9/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Dầu Tiếng	51,66	43.400	52,46	100	43.400	Đủ nước
Hồ Càn Nôm	59,45	127,00	59,82	100	127,00	Đủ nước
Hồ Ba Veng	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Tha La	71,75	3.500	69,83	100	3.500	Đủ nước
Hồ Bù Nâu	100,00	102	100,00	100	102	Đủ nước
Hồ Tà Thiết	87,45	70	93,73	100	70	Đủ nước
Hồ Rừng Cẩm	57,31	90	57,87	100	90	Đủ nước
Hồ Tà Te	58,85	30	60,91	100	30	Đủ nước
Hồ Suối Láp	100,00	85	100,00	100	85	Đủ nước
Hồ Lộc Thạnh	100,00	80	100,00	100	80	Đủ nước
Trung bình/Tổng	52,17	47.554^(*)	52,92	100	47.554^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tây Ninh	Thanh Bắc – Tân Biên	960,7	+ 21	- 26	- 46	Rủi ro hạn thấp

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Dầu Tiếng	Tân Hà – Tân Châu	1.616,6	+ 102,8	+ 31	- 21	Rủi ro hạn thấp
	Thanh Đức – Gò Dầu					
	Cầu Khởi – Dương Minh Châu					
	Gia Lộc – Trảng Bàng					
Trung bình		1.288,7	+ 61,9	+ 3	- 34	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 3% và cao hơn 62% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Mặt khác, khu vực hiện tại đang trong mùa mưa, tuần qua tiếp tục phổ biến có mưa nhỏ đến mưa vừa, cục bộ vài nơi có mưa to nên khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
47.554	19.381	28.173					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 16/9/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 857,5 triệu m³ (chiếm 52,92% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 10/10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 16/9/2020 không thay đổi.

Hiện tại, khu vực đang trong mùa mưa lũ, để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Mùa 2020 và nhằm ứng phó với diễn biến thiên tai có thể xảy ra, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Tăng cường nguồn lực thực hiện các giải pháp phòng, chống, ngập lụt, úng, đảm bảo cấp nước phục vụ cho sản xuất và dân sinh; **(2)** Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; **(3)** Khẩn trương kiểm tra, sửa chữa công trình đảm bảo sẵn sàng phục vụ trong mọi tình huống trong mùa mưa lũ; **(4)** Đề phòng tình trạng ngập lụt nếu có mưa lớn xảy ra, khi hồ chứa thượng lưu xả lũ, triều cường... Đặc biệt ở các khu vực: vùng dọc sông Sài Gòn đoạn qua tỉnh Bình Dương, TP HCM

(khu vực hạ du hồ Dầu Tiếng), sông Thị Tín đoạn qua phường Mỹ Phước (TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 17/9/2020 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG